

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 08-9-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu

*Các hội thẩm:* Ông Trần Trọng Đại

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 06-06-2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị B; sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu: Thôn V1, xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định; hiện trú tại: Thôn H, xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T; sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu: Thôn V1, xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định; hiện trú tại Campuchia.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về nuôi con chung:* Ông Trần Văn D; sinh năm 1959 và bà Trương Thị V; sinh năm 1960; cùng cư trú: Thôn V1, xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị B có mặt. Vắng mặt anh T, ông D, bà V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn

là chị Phan Thị B trình bày:

Chị và anh Trần Văn T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26-01-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh T lao động tại Malaysia, năm 2014 anh T lao động tại Campuchia cho đến nay, chị ở nhà nội trợ chăm sóc các con. Một thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T quan hệ bất chính và có con với người khác, chị can ngăn anh T không nghe, còn bạo hành chị.

Khoảng đầu năm 2019, chị bị anh T đánh thương tích nặng, chị đã viết đơn trình báo chính quyền địa phương, công an xã xử phạt hành chính đối với anh T. Chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại Vĩnh Phúc sinh sống từ đó đến nay. Anh T đi làm xa nhiều năm liên tục, không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con, còn công khai mối quan hệ bất chính, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Trần Mai A, sinh ngày 29-10-2010, Trần Đức M, sinh ngày 18-11-2012 và Trần Nguyên B, sinh ngày 12-11-2015. Hiện nay, chị đang nuôi cháu Mai A và cháu Nguyên B còn cháu M đang ở với anh T và ông bà nội; vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao 03 con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và anh T có trách nhiệm cấp dưỡng từ 01-02 triệu đồng/01con/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Phan Thị B đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh lao động tại Malaysia, từ năm 2014 anh lao động tại Campuchia cho đến nay, chị B ở nhà nội trợ và nuôi các con ăn học bằng tiền lương do anh chu cấp. Thời gian lao động nước ngoài, anh thường xuyên gọi điện hỏi thăm vợ con, thỉnh thoảng anh về Việt Nam với gia đình. Từ năm 2019 trở đi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác nhau về quan điểm, lối sống, anh đã nhiều lần hàn gắn nhưng chị B không đồng ý. Nay chị B xin ly hôn, anh không nhất trí, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh và chị B có 03 con chung là Trần Mai A, sinh ngày 29-10-2010, Trần Đức M, sinh ngày 18-11-2012 và Trần Nguyên B, sinh ngày 12-11-2015. Hiện cháu Mai A và cháu Bảo sống cùng chị B tại nhà mẹ đẻ chị B ở Vĩnh Phúc; còn cháu M ở với anh, anh đi làm xa cháu M ở với bố mẹ đẻ anh là ông Trần Văn D và bà Trương Thị V.

Trường hợp chị B quyết tâm ly hôn thì anh xin nuôi cháu Trần Đức M và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Mai A và cháu Nguyễn B là 03 triệu đồng/02 cháu/tháng đến khi cháu Mai A và Bảo đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu M. Trong thời gian anh ở nước ngoài chưa về Việt Nam thì anh ủy quyền cho ông D và bà V thay anh nuôi cháu M. Anh cũng ủy quyền cho ông D hoặc bà V thay anh nhận các tài liệu, giấy tờ liên quan đến việc giải quyết ly hôn giữa chị B và anh của Tòa án.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị B thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của anh T về nuôi con chung ông Trần Văn D và bà Trương Thị V trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Trần Văn T. Anh T và chị Phan Thị B đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định. Anh T và chị B có 03 con chung là: Trần Mai A, sinh năm 2010, Trần Đức M, sinh năm 2012 và Trần Nguyễn B, sinh năm 2015. Hiện cháu Mai A và cháu Bảo đang sống cùng chị B tại Vĩnh Phúc; cháu M đang sống cùng anh T và ông bà. Anh T hiện đang ở Campuchia, vợ chồng anh T, chị B ly hôn; anh T ủy quyền cho ông bà nuôi dưỡng con chung là cháu M trong thời gian anh T chưa về Việt Nam và nhận các giấy tờ tài liệu của Tòa án, ông bà hoàn toàn nhất trí.

\* Tại bản tự khai ngày 06-7-2022 cháu Trần Mai A trình bày: Cháu là con của bố Trần Văn T và mẹ Phan Thị B. Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ B.

Tại bản tự khai ngày 19-7-2022 cháu Trần Đức M trình bày: Cháu là con của bố Toàn, mẹ B. Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố, bố làm việc ở Campuchia cháu muốn ở với ông bà nội là Trần Văn D và Trương Thị V.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị B giữ nguyên lời trình bày như trên.

Anh T, ông D, bà V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử lý hôn giữa anh Trần Văn T và chị Phan Thị B. Giao

cháu Trần Mai A và cháu Trần Nguyên B cho chị B nuôi dưỡng; giao cháu Trần Đức M cho anh T nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Mai A và cháu Bảo là 3.000.000đồng/ tháng/2 cháu. Anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu M. Án phí đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn T, người đại diện theo uỷ quyền của anh T về nuôi con chung là ông Trần Văn D và bà Trương Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt anh T, ông D và bà V.

[2] Về nội dung: Anh Trần Văn T và chị Phan Thị B trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn anh T và chị B chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân theo chị B trình bày: Anh T quan hệ bất chính và có con với người khác, khi chị can ngăn thì anh T bạo hành chị; còn theo anh T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng quan điểm lối sống khác nhau, anh đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, nay chị B xin ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ vì các con. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị B đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị B có 03 con chung là Trần Mai A, sinh ngày 29-10-2010; Trần Đức M, sinh ngày 18-11-2012 và Trần Nguyên B, sinh ngày 12-11-2015; hiện chị B đang nuôi dưỡng cháu Mai A và cháu Bảo, còn cháu M đang ở với anh T và ông D, bà V là ông bà nội của cháu M. Để bảo đảm việc ổn định học tập của các cháu và xem xét đến điều kiện thực tế việc nuôi con của anh T, chị B cũng như nguyện vọng của các cháu muốn ở với bố hoặc mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành bản án. HĐXX giao cháu Mai A và cháu Bảo cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu M cho anh T nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T ở nước ngoài chưa về Việt Nam, anh T uỷ quyền cho bố mẹ đẻ là ông Trần Văn D và bà Trương Thị V nuôi dưỡng cháu M. Xét thấy sự uỷ quyền này hoàn toàn tự nguyện, phù

hợp với đạo đức xã hội và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai A và cháu Bảo là 3.000.000đồng/hai cháu/ một tháng; chị B không phải cấp dưỡng nuôi cháu M.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị B và anh T không yêu cầu giải quyết.

[7] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị B phải nộp là 300.000đồng.

[8] Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy B thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phan Thị B và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Mai A, sinh ngày 29-10-2010 và Trần Nguyên B, sinh ngày 12-11-2015 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Đức M, sinh ngày 18-11-2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T ở nước ngoài chưa về Việt Nam thì ông Trần Văn D và bà Trương Thị V là bố mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng cháu Trần Đức M.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Mai A và cháu Trần Nguyên B là 3.000.000 đồng/2 con/01tháng cho đến khi cháu Mai A và cháu Bảo đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập được. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con là cháu Trần Đức M.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0006756 ngày 06-6-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải nộp là 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Ông Trần Văn D và bà Trương Thị V có quyền kháng cáo về phần nhận uỷ quyền nuôi con chung của anh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Y1, huyện Y;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu**